

Bản án số: **30/2020/HNGĐ- ST**

Ngày: 30-6-2020

"Về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con"

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN MINH, TỈNH KIÊN GIANG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lê Chí Công

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Hồ Thị Hoa

Ông Võ Thành Bê

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Trần Thị Thùy Trang - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa:*** Ông Trần Văn Ý - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 6 năm 2020, tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 294/2019/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 12 năm 2019 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 39/2020/QĐXXST- HNGĐ ngày 15 tháng 5 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Lữ Thị Tổ T-nd, sinh năm 1993. Địa chỉ: ấp 638/8 ADV, P11, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh; (*xin vắng mặt*).

- *Bị đơn:* Anh Tô Hoài B-bđ, sinh năm 1993. Địa chỉ: ấp VX, xã ĐH B, huyện An Minh, Kiên Giang (*vắng mặt*).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Trong đơn khởi kiện ngày 09-10-2019 và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Lữ Thị Tổ T-nd trình bày và yêu cầu như sau:*

Chị và B-bđ quen biết nhau trước rồi đi đến hôn nhân. Sau đó đăng ký kết hôn tại UBND P 11, Quận 6, thành phố Hồ Chí Minh vào ngày 29/5/2015. Vợ chồng sống chung đầm ấm khoảng 2 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Mâu thuẫn chủ yếu là do bất đồng về suy nghĩ và tính cách. Chị T-nd với anh B-bđ ly thân từ tháng 02-2018 cho đến nay.

Về con chung: anh, chị có 01 con chung tên Tô Lữ Bảo V-lq, sinh ngày 31/03/2016, hiện đang sống với chị T-nd. Về tài sản, nợ: không có.

Chị T-nd khởi kiện yêu cầu được ly hôn với anh B-bđ; về con chung: yêu cầu được trực tiếp nuôi con, không yêu cầu anh B-bđ cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung và nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Bị đơn anh Tô Hoài B-bđ vắng mặt, không có lời trình bày.*

*Tại biên bản xác minh ngày 18-12-2020, chính quyền địa phương không nắm được nguyên nhân mâu thuẫn.*

- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án thực hiện đầy đủ, đúng trình tự, thủ tục theo quy định pháp luật tố tụng dân sự; đối với các đương sự thì từ khi thụ lý vụ án đến nay phía nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình; phía bị đơn vắng mặt nên đã không thực hiện đúng nghĩa vụ theo quy định, việc xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định. Về quan điểm giải quyết vụ án: đề nghị HĐXX cho chị T-nd ly hôn với anh B-bđ; về con giao cho chị T-nd trực tiếp nuôi dưỡng, anh B-bđ không phải cấp dưỡng nuôi con; về tài sản và nợ không yêu cầu nên không xét.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra, xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng anh B-bđ đều vắng mặt, không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và phiên tòa. Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng anh B-bđ vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên HĐXX căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh B-bđ.

[2] Về quan hệ hôn nhân, chị T-nd và anh B-bđ chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được UBND P11, Quận 6, thành phố Hồ Chí Minh vào ngày 29-5-2015 nên là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận theo quy định tại Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Chị T-nd và anh B-bđ sống chung một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh, chị có nhiều bất đồng về quan điểm, không hòa hợp dẫn đến ly thân từ tháng 02 năm 2018. Trong thời gian ly thân anh, chị chưa có những thay đổi, biện pháp tốt để đoàn tụ. Đồng thời khi Tòa án thông báo về yêu cầu ly hôn của chị T-nd thì anh B-bđ không có ý kiến hay động tác gì để hàn gắn mà bỏ mặc; khi Tòa án tổ chức hòa giải đoàn tụ thì anh B-bđ vắng mặt không tham dự. Việc anh B-bđ không có ý kiến khi nguyên đơn xin ly hôn, không tham dự phiên hòa giải, phiên tòa vừa vi phạm nghĩa vụ bị đơn vừa đánh mất cơ hội hòa giải đoàn tụ tại Tòa án. Từ đó cho thấy giữa anh B-bđ và chị T-nd mục đích hôn nhân đã không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, HĐXX căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, xử cho chị T-nd được ly hôn với anh B-bđ.

[4] Về con chung, chị T-nd và anh B-bđ có 01 con chung tên Tô Lữ Bảo V-lq, sinh ngày 31-03-2016 hiện đang sống với chị T-nd. Chị T-nd có nguyện vọng được nuôi con sau khi ly hôn; anh B-bđ không nêu ý kiến gì. Thấy rằng, trong thời gian qua, chị T-nd đã trực tiếp nuôi dưỡng con tốt, chưa xảy ra sơ xuất nên HĐXX quyết định giao cho chị T-nd tiếp tục nuôi dưỡng con chung. Về cấp dưỡng nuôi con, chị T-nd không yêu cầu anh B-bđ cấp dưỡng nuôi con cùng chị sau khi ly hôn và xét thấy chị T-nd có nghề nghiệp, thu nhập đủ để nuôi con. Do đó, anh B-bđ không phải cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: chị T-nd không yêu cầu giải quyết, nên không xem xét.

[6] Về án phí, nguyên đơn chị T-nd phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn là 300.000đ theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 266 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 9, Điều 56, khoản 1, khoản 2 Điều 81, khoản 3 Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: cho ly hôn giữa chị Lữ Thị Tổ T-nd và anh Tô Hoài B-bđ.

2. Về con chung: Giao con chưa thành niên là Tô Lữ Bảo V-lq, sinh ngày 31-3-2016 cho chị Lữ Thị Tổ T-nd tiếp tục nuôi dưỡng (cháu đang chung sống với chị T-nd). Anh B-bđ không phải cấp dưỡng nuôi con do chị T-nd không yêu cầu.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu nên không xem xét.

4. Về án phí, chị Lữ Thị Tổ T-nd chịu án phí dân sự sơ thẩm xin ly hôn là 300.000 đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng đã nộp tại biên lai thu số 0007615 ngày 20-12-2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Minh. Chị T-nd đã nộp xong tiền án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Chị T-nd và anh B-bđ vắng mặt, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện An Minh;
- Chi cục THADS huyện An Minh;
- Các đương sự;
- UBND P11, Quận 6, TP.HCM;
- Lưu HS + VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Chí Công**

Lê Chí Công